Thứ Hai, Ngày 15 Tháng 7 Năm 2024

Chứng khoán Việt Nam

Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

Báo cáo ngày

Xu hướng thị trường:

Tâm lý thận trọng gia tăng

▶ Trong phiên giao dịch ngày thứ Hai, thị trường tiếp tục dao động quanh ngưỡng tham chiếu cùng khối lượng giao dịch thấp hơn mức thanh khoản trung bình 20 ngày. Áp lực bán ròng từ khối ngoại tiếp tục dâng cao ở phiên giao dịch buổi chiều.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 0.93 điểm (-0.07%), đạt 1,279.82 điểm; HNX-Index giảm 0.18 điểm (-0.07%), đạt 244.84 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 14.24 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 573.5 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại bán ròng 1,619.13 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở HDB, STB, SAB.

▶ GVR (+1.58%), BCM (+3.38%), PLX (+3.67%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, VHM (-1.30%), HVN (-2.47%), FPT (-0.82%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Ngân hàng, Thực phẩm – Đồ uống, và Bán lẻ là các nhóm ngành ảnh hưởng lớn nhất đến đà giảm của thị trường trong phiên hôm nay. Các mã tiêu biểu: VCB, VNM, MSN, MWG.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Thị trường gần như đi ngang sau khi hình thành cây nến ngắn có biên độ giao dịch khoảng 10 điểm trong phiên hôm nay. Thanh khoản tiếp tục giảm cho thấy lực bán là không mạnh. Hiện tại VNINDEX tiếp tục test khu vực EMA 20 và tiếp tục xây dựng nền giá. Về xu hướng trung dài hạn, VN-Index hiện vẫn đang trong xu hướng tăng khi nằm trên cả 3 đường EMA 20, EMA 50 và EMA 200. Tuy nhiên trong khoảng hơn 2 tháng nay, thị trường đang giao dịch trong vùng 1,260 - 1,300.

Chiến lược: Nhà đầu tư trading ngắn có thể mua quanh vùng EMA50 tương ứng vùng 1,270 và bán khi thị trường tiệm cận vùng 1,300. Với chiến lược nắm giữ theo xu hướng, nhà đầu tư có thể nắm giữ tiếp và chờ break 1,300 hoàn toàn để gia tăng tỷ trọng.



Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Index	Giá	%1D	%1M	%1Yr.	PER	PBR	Vốn hóa
VN-Index	1,280	-0.1	0.0	9.5	15.9	1.8	5,246,929
VN30 Index	1,298	-0.3	-1.4	11.8	12.5	1.7	3,581,284
VN Midcap	1,989	-0.1	0.5	27.7	18.3	1.7	1,016,621
VN Smallcap	1,564	0.4	1.4	12.9	29.6	1.1	264,946
HNX Index	245	-0.1	0.4	6.4	17.5	1.3	318,808
UpCom	98	-0.2	-0.1	13.5	13.4	1.8	1,664,601

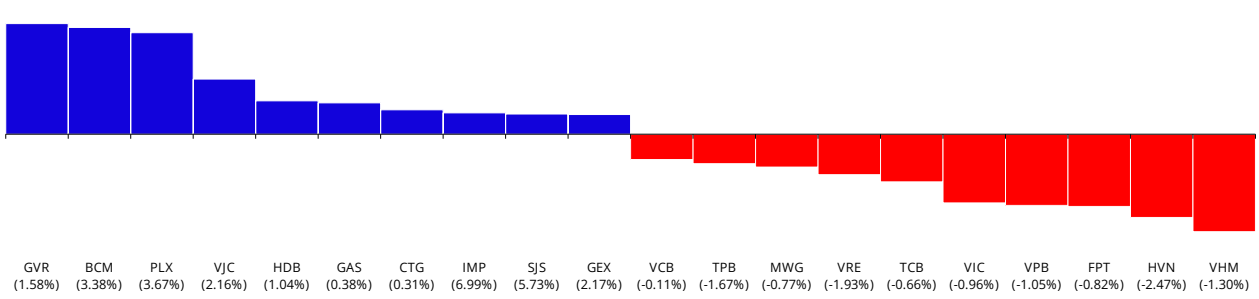
Nhóm ngành

Nhóm ngành	%1D	%1M	%YTD	%1 YR.	PER	PBR	Vốn hóa
Bán lẻ	-0.7	1.6	46.4	1.4	267.1	4.2	136,275
Bảo hiểm	1.1	4.2	18.4	3.5	15.7	1.6	48,258
Bất động sản	-0.4	-0.8	-3.8	-14.0	14.0	1.2	710,586
CNTT	-1.0	0.1	55.5	87.3	31.0	6.0	213,435
Dầu khí	2.8	12.7	42.7	17.6	27.4	3.0	77,526
Dịch vụ tài chính	-0.7	-5.3	10.4	32.1	22.4	1.9	200,097
Tiện ích	0.3	1.8	8.7	-1.2	16.8	2.1	325,736
Du lịch và Giải trí	-0.5	4.7	48.0	52.1	n.a	38.1	143,065
Hàng & DV CN	0.3	3.2	21.0	24.3	16.7	1.9	158,042
Hàng CN & Gia dụng	0.2	2.7	21.4	20.0	16.9	2.1	63,395
Hóa chất	0.9	11.2	53.5	59.9	31.0	2.4	273,376
Ngân hàng	-0.1	-1.1	13.5	13.3	9.8	1.6	1,996,367
Ô tô và phụ tùng	0.5	5.8	24.8	33.0	22.0	1.5	18,233
Tài nguyên Cơ bản	-0.2	-1.5	11.6	14.9	40.8	1.6	239,536
Th.phẩm & Đồ uống	0.0	-3.3	2.5	-7.9	26.0	2.7	442,875
Truyền thông	5.3	11.4	-13.0	50.8	29.2	1.0	1,862
Xây dựng và Vật liệu	0.0	-1.1	6.5	10.4	28.9	1.5	133,825
Y tế	1.9	5.0	14.9	2.0	15.7	2.2	39,813

Tiền tệ và hàng hóa

	Tỷ giá	%1D	%1W	%1M	%3M	%YTD	%1Yr.
Dollar index	104	0.0	-0.8	-1.4	-2.0	2.7	4.2
USD/JPY	158	0.1	-1.8	0.2	2.4	12.0	13.9
USD/CNY	7	0.2	-0.1	0.1	0.3	2.3	1.2
KRW/USD	1,383	0.5	0.0	0.1	-0.1	7.4	9.2
EUR/USD	1	0.0	-0.8	-1.6	-2.6	1.2	3.0
USD/VND	25,375	-0.2	-0.2	-0.3	0.8	4.6	7.3
Dầu Thô	82	-0.2	-0.3	4.6	-3.9	14.5	8.8
Xăng	237	-5.7	-6.6	-1.2	-14.8	12.8	-10.3
Khí đốt	2	-2.5	-4.0	-21.2	34.3	-9.7	-10.6
Than	134	0.1	-1.4	0.7	3.6	-8.6	3.7
Vàng	2,419	0.3	2.5	4.3	1.5	17.3	23.7
Thép cuộn	3,684	0.5	-0.7	-2.4	-2.5	-9.7	-4.9

Đóng góp vào VN Index



[Analyst]
Phuc Nguyen
☎ (84-28) 6299 - 8025
✉ phuc.nlh@shinhan.com

[Analyst]
Trang Vo
☎ (84-28) 6299 - 7751
✉ trang.vo@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

Điểm tin thị trường

Tin tức nổi bật

1. GMC – Hàng Tiêu dùng: Sau khi thay đổi chủ tịch HĐQT, chủ tịch mới của Garmex Sài Gòn sẽ nhận mức thù lao 6 triệu đồng/tháng, còn các thành viên HĐQT sẽ nhận 5 triệu đồng/người/tháng.

2. SZG – Bất động sản: Theo Sonadezi Giang Điền, doanh thu giảm mạnh chủ yếu do thiếu hụt doanh thu cho thuê tài sản, không ghi nhận khoản thu nào trong Q2.2024 so với 78.02 tỷ đồng cùng kỳ năm trước.

3. GEG – Tiện ích: GEG có thể tăng gấp đôi so với năm ngoái trong bối cảnh Nhà máy Điện gió Tân Phú Đông 1 đang hoạt động hết công suất và dự kiến sẽ được hưởng mức giá trần của giá điện chuyển tiếp.

4. BWE – Tiện ích: Sau 6T2024, CTCP – Tổng Công ty nước – Môi trường Bình Dương (Biwase) hoàn thành 46% kế hoạch doanh thu và 43% mục tiêu lợi nhuận năm 2024 đặt ra.

5. CTR – Công nghiệp: Trong 6T2024, Viettel Construction đã hoàn thành 45% kế hoạch doanh thu và 46% kế hoạch lợi nhuận năm. Trong đó, tỷ trọng của mảng vận hành khai thác có xu hướng thu hẹp.

6. GAS – Tiện ích: Dù chưa có thời gian chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2023, nhưng PV GAS cho biết sẽ bắt đầu chi trả 13,780 tỷ đồng cổ tức từ tháng 10/2024.

7. ASM – Hàng tiêu dùng: Tại buổi làm việc với tỉnh Trà Vinh vừa qua, CTCP Tập đoàn Sao Mai ho biết, Tập đoàn đã nộp hồ sơ đề nghị thực hiện dự án Nhà máy điện gió V1-1 giai đoạn 2 và Nhà máy điện gió số 3 (vị trí V3-8) tại thị xã Duyên Hải.

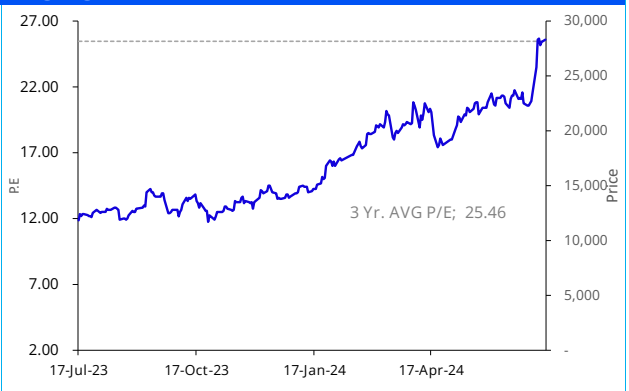
8. DCM – Hóa chất: Nửa đầu năm 2024, Phân bón Cà Mau xuất khẩu 174,240 tấn ure, tương ứng hoàn thành 77% so với kế hoạch năm 2024 doanh nghiệp đã đề ra.

9. TV2 – Công nghiệp: Kỳ vọng dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 2 sẽ đóng góp 70% tổng doanh thu giai đoạn 2024 – 2028 của TV2 đã giúp giá cổ phiếu tăng mạnh, nhưng hiện trở về "vạch xuất phát" vì dự án không thể triển khai.

Cổ phiếu nổi bật trong ngày

CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao – LAS

LAS – Hóa chất: KQKD Q2.2024, doanh thu thuần của LAS giảm hơn 30% YoY, nhưng LNST tăng gấp đôi so với năm ngoái.



Xu hướng dòng tiền

Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

STT	Nhóm ngành	% Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần	7/14/2024	7/15/2024	TB 1 tuần	Xu hướng 20 phiên
1	Truyền thông	75.7	13	36	21	
2	Y tế	61.4	53	127	78	
3	Dầu khí	11.0	138	199	179	
4	Du lịch và Giải trí	-1.2	176	233	236	
5	Bất động sản	-13.1	2,032	2,202	2,534	
6	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-17.2	330	343	414	
7	Hàng cá nhân & Gia dụng	-26.3	352	275	374	
8	Hóa chất	-26.4	909	874	1,187	
9	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-28.1	996	903	1,256	
10	Ô tô và phụ tùng	-29.0	107	89	125	
11	Dịch vụ tài chính	-29.6	992	875	1,242	
12	Xây dựng và Vật liệu	-32.6	762	496	736	
13	Ngân hàng	-33.8	2,306	1,820	2,748	
14	Tài nguyên Cơ bản	-37.9	1,309	811	1,306	
15	Bảo hiểm	-38.4	55	45	73	
16	Bán lẻ	-40.1	961	476	794	
17	Thực phẩm và đồ uống	-42.0	1,566	901	1,552	

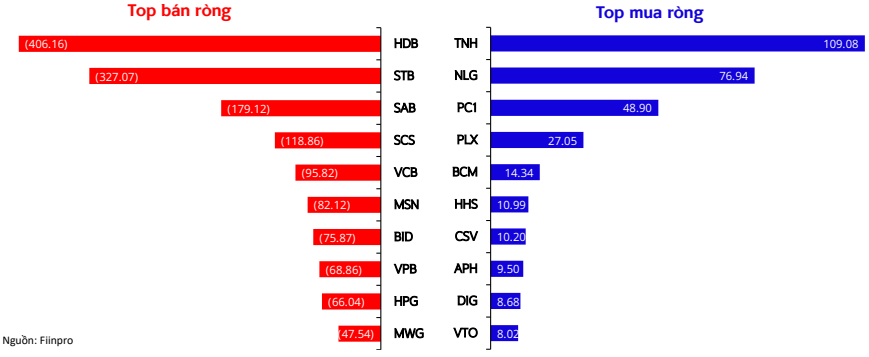
Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	Giá đóng cửa	% Thay đổi %1D	% 1W	%YTD	Thống kê giao dịch % Thay đổi GTGD	GTGD (VND tỷ)	Xu hướng
SHB	SHB	Ngân hàng	11,950	0.8	2.1	10.6	56	285.3	
IJC	Becamex IJC	Bất động sản	16,000	1.9	4.9	28.3	231	142.3	
BCG	Bamboo Capital	Dịch vụ tài chính	8,670	0.3	0.9	-1.7	199	103.4	
BCM	Becamex IDC	Bất động sản	67,200	3.4	4.0	6.8	93	102.1	
TNH	Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	Y tế	28,450	1.4	0.9	52.5	104	90.8	
VND	Chứng khoán VNDIRECT	Dịch vụ tài chính	16,200	-1.5	-0.9	-17.1	29	168.3	
APH	Tập đoàn An Phát Holdings	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9,980	6.1	4.9	29.9	212	49.1	
VJC	Vietjet Air	Du lịch và Giải trí	104,200	2.2	2.9	-3.5	32	119.3	
AAA	An Phát Bioplastics	Hóa chất	12,400	2.5	5.5	31.2	32	116.7	
PET	Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Bán lẻ	29,500	4.1	4.4	6.9	77	63.2	
KHG	Tập đoàn Khải Hoàn Land	Bất động sản	5,850	4.3	2.8	-6.7	148	42.3	
VTP	Bưu chính Viettel	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	85,200	-3.1	-1.3	8.7	32	102.9	
YEG	Tập đoàn Yeah1	Truyền thông	10,550	6.6	7.0	-12.4	138	36.4	
LHG	KCN Long Hậu	Bất động sản	43,500	5.6	4.2	43.6	136	32.3	
LBM	Khoáng sản Lâm Đồng	Xây dựng và Vật liệu	60,900	6.8	9.1	26.9	530	19.8	

Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	Giá đóng cửa	% thay đổi %1D	% 1W	%YTD	Thống kê giao dịch % Thay đổi KLGD	Khối lượng giao dịch	Xu hướng
SJS	SUDICO	Bất động sản	68,300.0	5.7	8.1	-1.6	7.4	68.30	
TDC	Becamex TDC	Bất động sản	10,950.0	6.3	16.2	10.5	11.6	10.95	
APH	Tập đoàn An Phát Holdings	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9,980.0	6.1	4.9	29.9	5.5	9.98	
IJC	Becamex IJC	Bất động sản	16,000.0	1.9	4.9	28.3	3.2	16.00	
PSH	TMại ĐT Dầu khí Nam Sông Hậu	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6,630.0	5.2	2.3	-35.6	4.5	6.63	
HII	An Tiến Industries	Hóa chất	6,330.0	2.8	3.8	18.1	3.3	6.33	
KHG	Tập đoàn Khải Hoàn Land	Bất động sản	5,850.0	4.3	2.8	-6.7	3.5	5.85	
TNA	XNK Thiên Nam	Tài nguyên Cơ bản	4,780.0	0.4	-1.0	-18.7	0.4	4.78	
BCG	Bamboo Capital	Dịch vụ tài chính	8,670.0	0.3	0.9	-1.7	0.0	8.67	
QCG	Quốc Cường Gia Lai	Bất động sản	11,250.0	-6.3	-7.0	11.9	-7.2	11.25	

Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro

Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

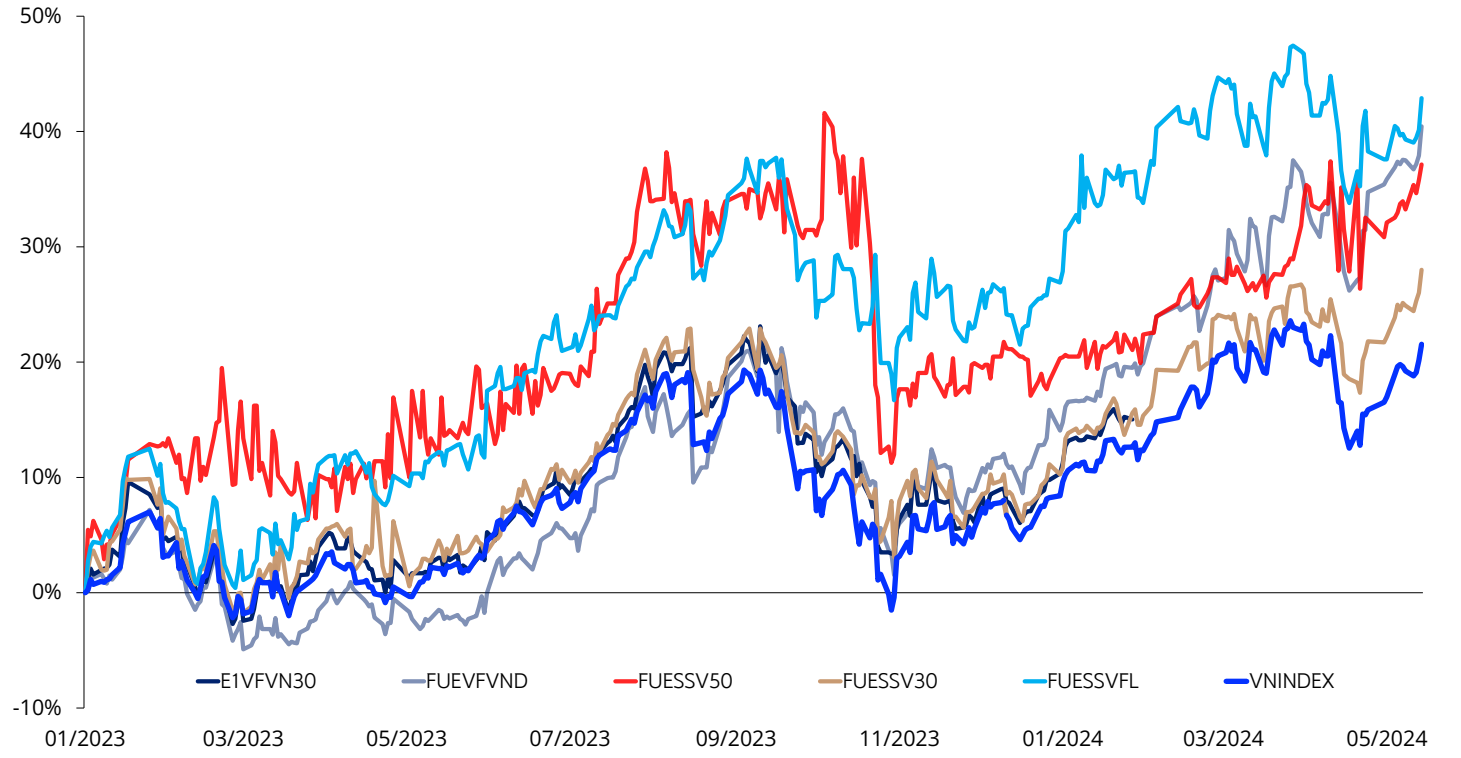
Ngày	Mua	Bán	Mua-Bán ròng
7/15/2024	1,238.9	2,913.3	-1,674.5
7/12/2024	1,196.1	1,958.0	-761.9
7/11/2024	2,410.9	2,405.0	5.9
7/10/2024	3,889.1	4,919.0	-1,029.9
7/9/2024	2,543.9	2,995.0	-451.1
7/8/2024	1,632.9	3,897.8	-2,264.8
7/5/2024	1,571.1	1,942.6	-371.4
7/4/2024	1,011.8	1,588.0	-576.2
7/3/2024	1,329.6	1,865.5	-536.0
7/2/2024	1,692.8	1,728.7	-35.9
7/1/2024	1,320.1	2,109.4	-789.4
6/28/2024	1,812.6	2,983.4	-1,170.8
6/27/2024	2,404.6	3,545.8	-1,141.2
6/26/2024	2,635.6	3,233.8	-598.1
6/25/2024	2,794.9	3,499.3	-704.4
6/24/2024	2,453.4	3,383.9	-930.6

Chứng chỉ quỹ ETF

Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Mã chứng chỉ quỹ	Giá (VND)	%1D	%1M	YTD	KLGD	GTGD (tỷ đồng)	Thanh khoản 20 phiên
1	DCVFMVN30 ETF Fund	E1VFVN30	22,750	-0.2%	-1.7%	17.1%	107,100	2.4	
2	SSIAM VNX50 ETF	FUESSV50	19,660	-0.6%	-2.0%	17.7%	22,900	0.5	
3	SSIAM VNFIN LEAD ETF	FUESSVFL	20,760	-0.2%	-2.5%	12.5%	118,300	2.4	
4	DCVFMVN Diamond ETF	FUEVFVND	32,990	-0.1%	-1.2%	24.8%	495,700	16.4	
5	VinaCapital VN100 ETF	FUEVN100	17,770	-0.2%	-1.2%	15.9%	147,400	2.6	
6	SSIAM VN30 ETF	FUESSV30	16,190	0.2%	-2.0%	15.9%	13,700	0.2	
7	MAFN VN30 ETF	FUEMAV30	15,530	-0.8%	-1.6%	15.1%	21,900	0.3	
8	IPAAM VN100 ETF	FUEIP100	9,000	0.1%	-1.4%	6.9%	700	0.0	
9	KIM Growth VN30 ETF	FUEKIV30	8,660	-0.5%	-2.1%	15.5%	3,600	0.0	
10	DCVFMVN Mid Cap ETF	FUEDCMID	12,400	0.2%	0.0%	13.8%	10,300	0.1	
11	KIM Growth VNFINSELECT ETF	FUEKIVFS	12,320	-0.8%	-1.7%	16.2%	100	0.0	
12	MAFM VNDIAMOND ETF	FUEMAVND	13,850	-0.3%	-1.1%	26.7%	700	0.0	
13	FPT CAPITAL VNX50 ETF	FUEFCV50	12,050	-0.8%	-2.0%	-6.1%	3,500	0.0	
14	KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	FUEKIVND	12,370	-0.9%	n.a	n.a	3,500	0.0	
15	Thien Viet Growth Fund 3	FUCTVGF3	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	
16	Thien Viet Growth Fund 4	FUCTVGF4	13,100	0.0%	0.0%	-6.4%	100	0.0	
17	Thien Viet Growth Fund 5	FUCTVGF5	10,450	0.0%	-6.7%	-5.0%	400	0.0	
18	Bao Viet Fund VN Diamond	FUEBFVND	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	
19	TECHCOM VN RE ETF FUND	FUCVREIT	6,470	-3.4%	-2.7%	-10.6%	1,000	0.0	

Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX



Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Công ty quản lý	Ngày thành lập	Mô phỏng chỉ số	Tài sản (triệu USD)	Dòng vốn ròng 1M (triệu USD)	Dòng vốn ròng 3M (triệu USD)	Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%)	Độ lệch chuẩn 1Y (%)	Beta	Lợi suất cổ tức (%)	PB (x)	PE (x)	Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%)
1	DCVFMVN30 ETF Fund	DCVFM	8/14/2014	VN30	292.7	299,759	(366,883)	14.6	16.3	1.0	1.91	1.7	11.5	64.3
2	SSIAM VNX50 ETF	SSIAM	12/15/2014	VNX50IX	5.0	-	(27,448)	13.0	32.6	0.9	1.74	1.7	12.6	50.9
3	SSIAM VNFIN LEAD ETF	SSIAM	2/24/2020	VNFL	55.5	(127,189)	(894,789)	15.5	21.1	1.0	2.22	1.3	8.8	84.6
4	DCVFMVN Diamond ETF	DCVFM	5/12/2020	VND	476.7	(2,721,303)	(4,800,489)	32.0	19.2	1.0	2.21	1.9	11.4	82.0
5	VinaCapital VN100 ETF	Vinacapital	6/16/2020	VN100	0.013	(999,998)	(999,998)	18.5	16.8	1.0	1.67	1.7	12.5	45.5
6	SSIAM VN30 ETF	SSIAM	7/27/2020	VN30	5.8	-	1,516	14.7	20.8	1.0	1.90	1.7	11.7	64.1
7	MAFN VN30 ETF	MAFM	12/8/2020	VN30	n.a	(1,545)	(13,371)	12.7	17.2	1.0	n.a	n.a	n.a	n.a
8	IPAAM VN100 ETF	I.P.A	7/28/2021	VN100	1.8	(999,998)	(999,998)	8.3	33.4	0.9	1.72	1.6	12.4	47.0
9	KIM Growth VN30 ETF	KIM	1/6/2022	VN30TR	51.3	130,944	589,451	13.6	22.9	0.9	1.91	1.7	11.7	64.2
10	DCVFMVN Mid Cap ETF	DCVFM	9/29/2022	VNMidcap	12.9	34,470	34,470	28.0	24.9	1.1	1.28	1.6	15.8	45.6
11	KIM Growth VNFINSELECT ETF	KIM	11/3/2022	VNFS	11.8	-	(1,136)	19.6	20.4	1.0	2.07	1.4	8.8	70.9
12	MAFM VNDIAMOND ETF	MAFM	3/2/2023	VND	n.a	7,217	35,522	32.4	19.6	1.0	n.a	n.a	n.a	n.a
13	FPT CAPITAL VNX50 ETF	FPTF	5/25/2023	VNX50	n.a	(999,998)	(999,998)	-13.9	46.2	0.1	n.a	n.a	n.a	n.a
14	KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	KIMF	4/24/2024	VNX50	2.5	n.a	n.a	n.a	n.a	1.0	2.25	1.9	11.4	85.5
15	Thien Viet Growth Fund 3	TVAM	#N/A N/A	VN100	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	-0.5	n.a	n.a	n.a	n.a
16	Thien Viet Growth Fund 4	TVAM	9/26/2022	VN100	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	-0.5	n.a	n.a	n.a	n.a
17	Thien Viet Growth Fund 5	TVAM	12/29/2023	VN100	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	0.3	n.a	n.a	n.a	n.a
18	Bao Viet Fund VN Diamond	BVF	8/11/2023	VN30	n.a	(999,998)	(999,998)	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a
19	TECHCOM VN RE ETF FUND	TCBS	2/27/2017	VNRE	n.a	n.a	n.a	1.1	55.2	0.4	n.a	n.a	n.a	n.a

Nguồn: Bloomberg

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward,
Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Shinhan Securities